

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc
2. Ông Võ Khắc Chương

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số nhà S, xóm C, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thăng T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thăng T đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn kéo

dài không thể khắc phục, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thăng T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 20/02/2012. Hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến ngày con thành niên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022 bị đơn là ông Nguyễn Thăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Cẩm N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài không thể giải quyết, hiện hai bên đã sống ly thân. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đỗ Thị Cẩm N.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 20/02/2012. Ông đồng ý giao con chung cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Thăng T có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đỗ Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với ông Nguyễn Thăng T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Nguyễn Thăng T hiện cư trú tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên ông T có văn bản đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án ly hôn giữa ông và bà Đỗ Thị Cẩm N,

căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thăng T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thăng T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Đỗ Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thăng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 29/11/2010, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Bà N, ông T đều thừa nhận cuộc sống chung xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do các bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương nhau. Bà N yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn với bà N. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Đỗ Thị Cẩm N.

[4] *Về con chung:* Bà N và ông T có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 20/02/2012. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung cho đến ngày con thành niên, ông T đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Xét thấy, con Nguyễn Thanh L có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Nguyễn Thanh L cho bà Đỗ Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung:* Bà N và ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về nợ chung:* Bà N và ông T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Cẩm N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Thăng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Cẩm N được ly hôn với ông Nguyễn Thăng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 20/02/2012 cho bà Đỗ Thị Cẩm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Cẩm N không yêu cầu ông Nguyễn Thăng T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Trang đã nộp theo biên lai thu số 0007655 ngày 21/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Đỗ Thị Cẩm N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 47 ngày 29/11/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng